CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam

Ngày 31/12/2025	8,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	**-1.2%**	**5.2%**

DT thuần
Q4/25
137
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 70.1| 105%
YoY: ▲ 67.8| 98.2%

LN thuần
Q4/25
22.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0| 727%
YoY: ▲ 22.6| 18786%

LN sau thuế
Q4/25
20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.5| 289%
YoY: ▲ 19.5| 1462%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
11.8%
YoY: +/-▲ 7.2%

ROE
2025
10.2%
YoY: +/-▲ 8.5%

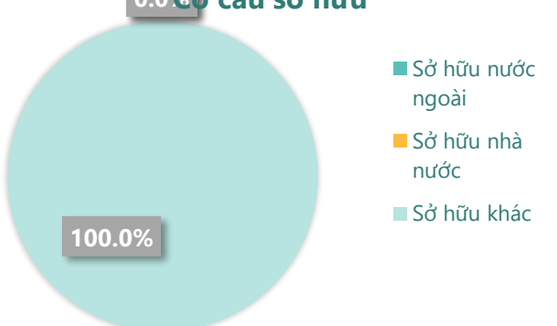
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,600 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	206
Số lượng CPLH (CP)	25,452,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,470
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.78
EPS	1,187
P/E	6.8

DT thuần
2025
341
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 139| 68.6%

LN thuần
2025
25.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.7| 4938%

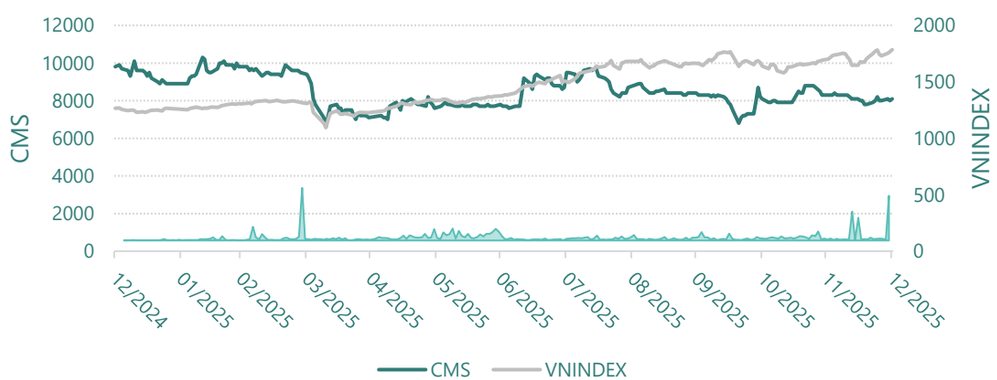
LN sau thuế
2025
29.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.0| 503%

Cơ cấu sở hữu

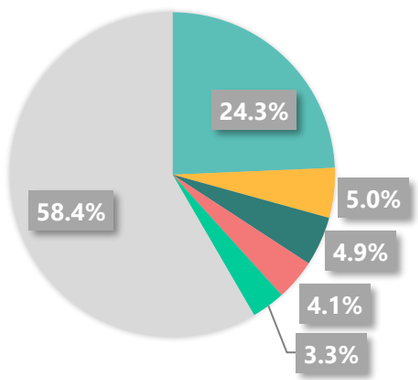


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

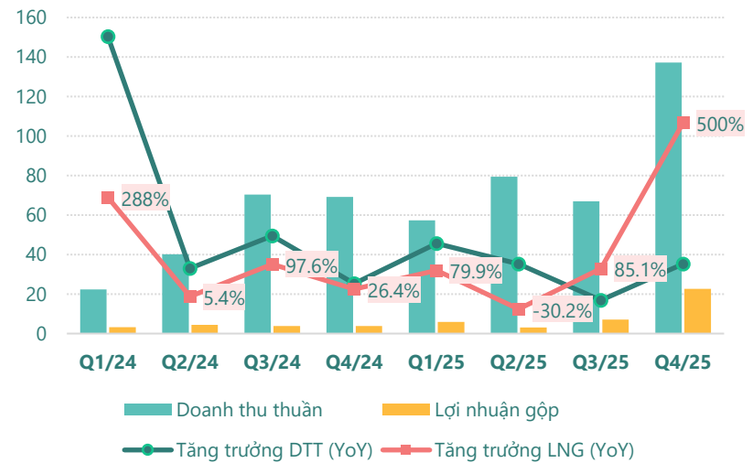


- Phạm Minh Phúc (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Văn Tùng
- Phạm Văn Xuyên
- Nguyễn Thúy Dung
- Phạm Hồng Mạnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

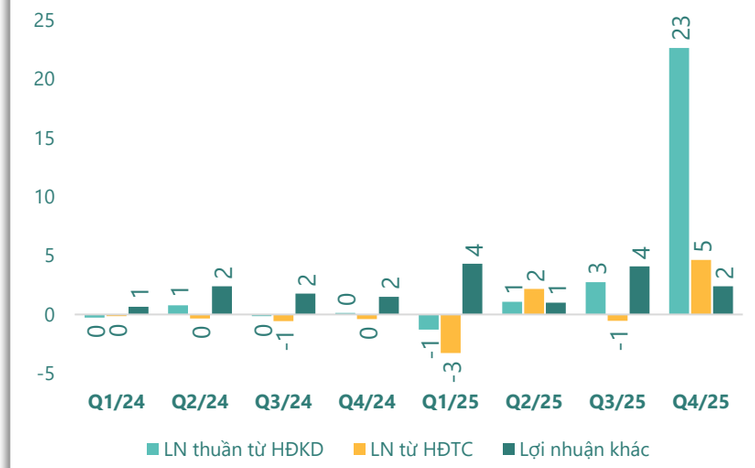
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



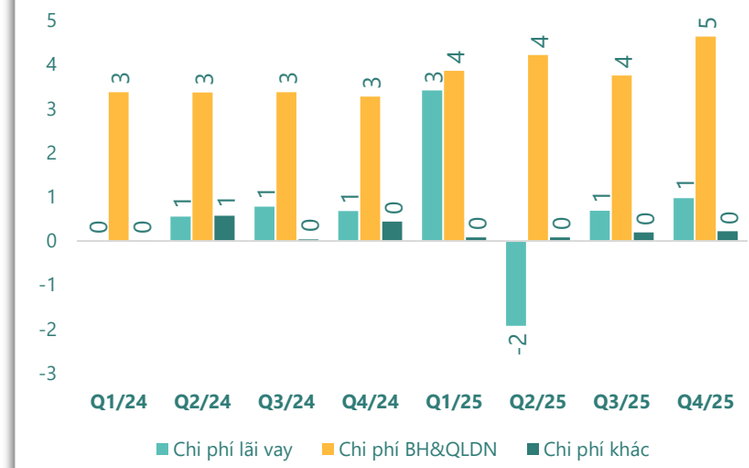
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



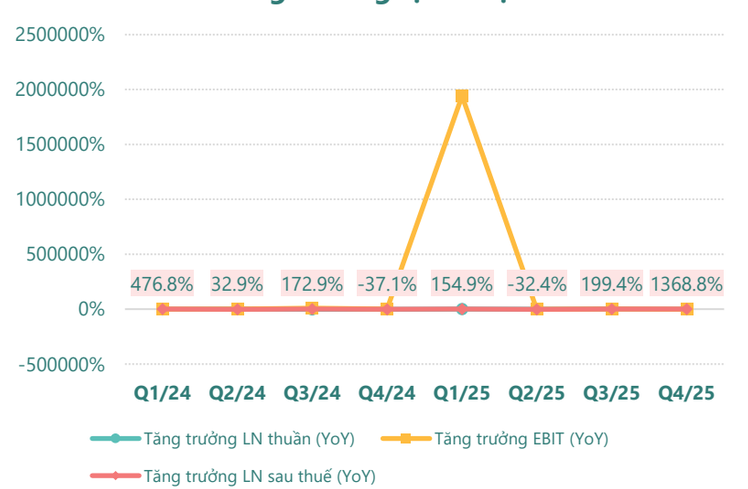
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



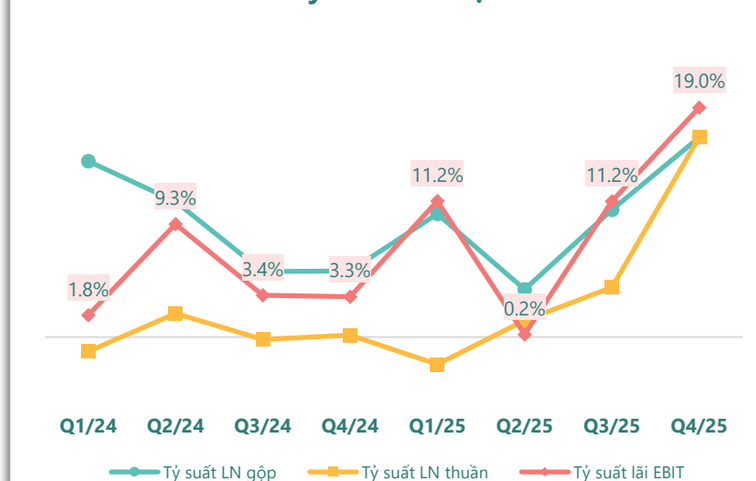
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



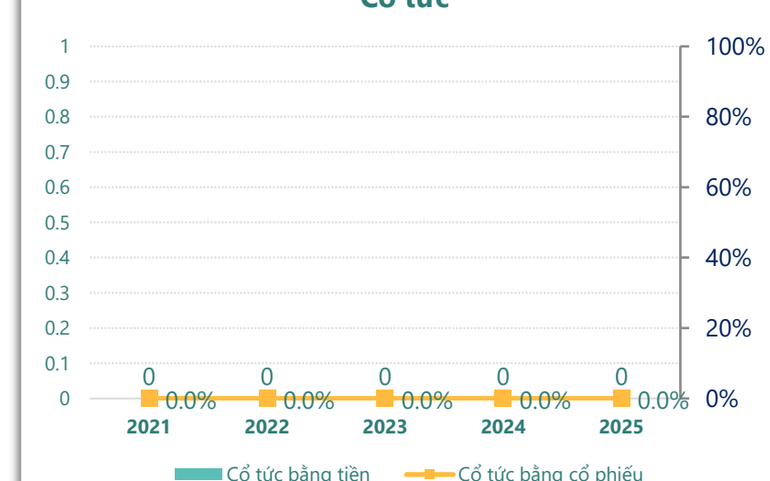
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

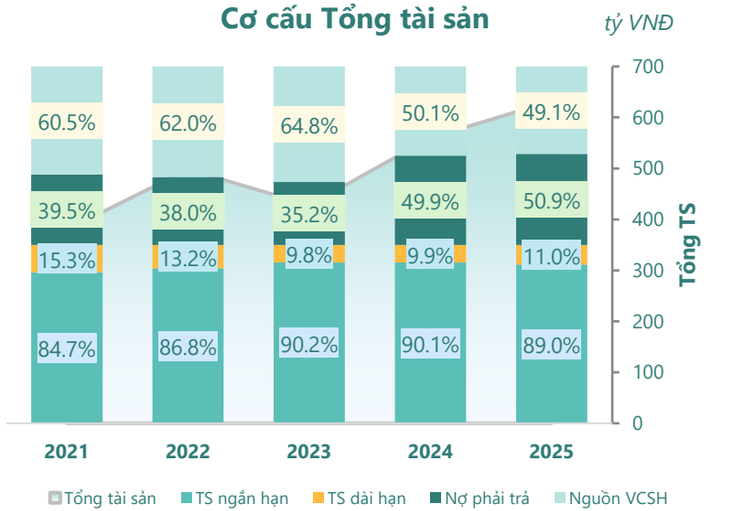
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

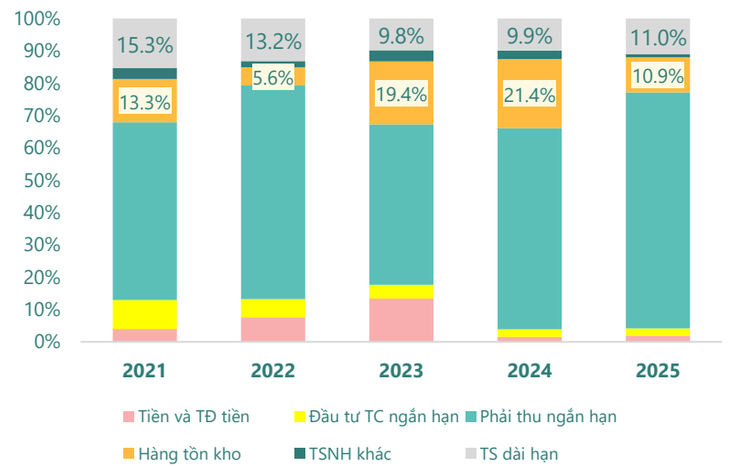
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



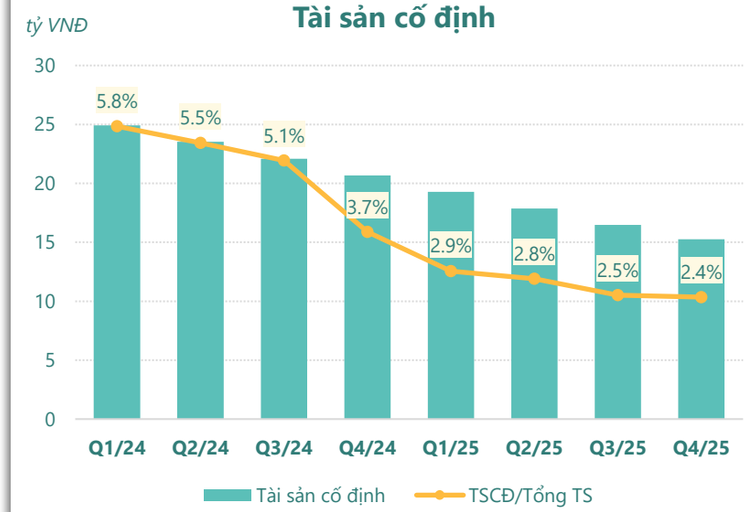
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



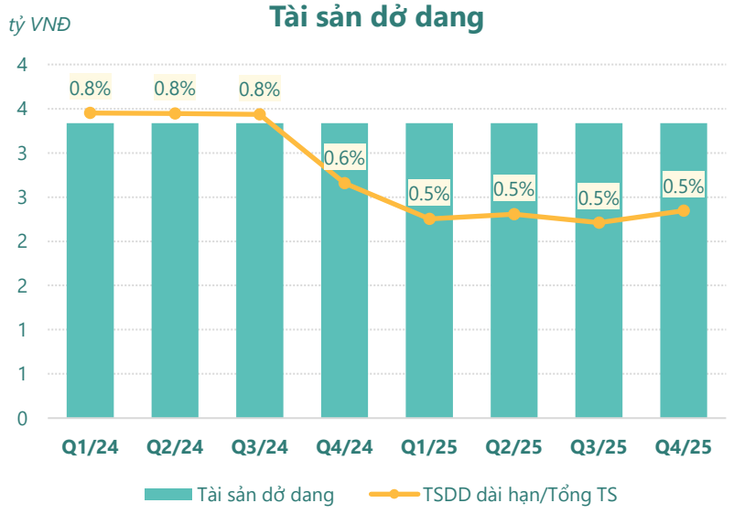
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



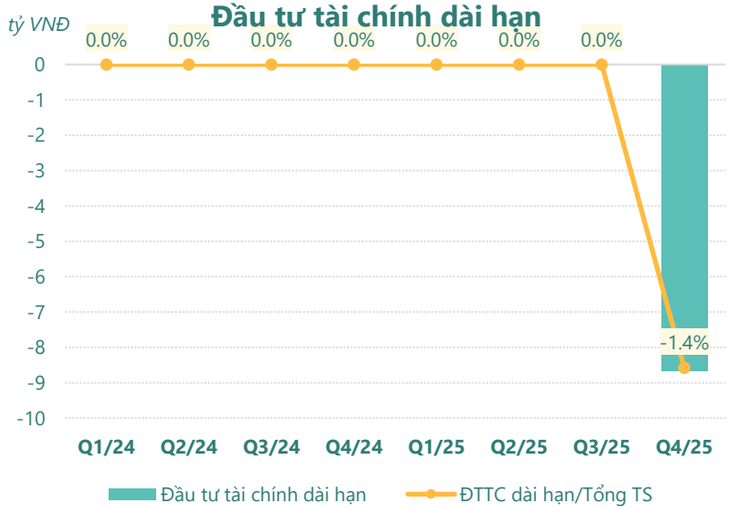
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



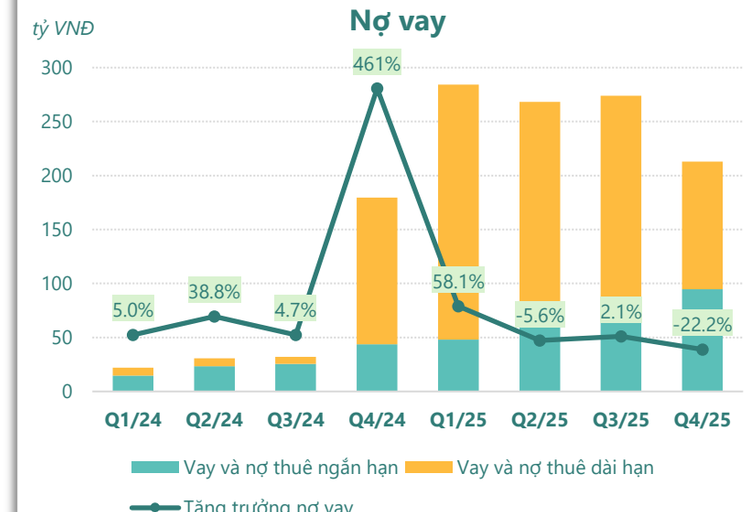
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

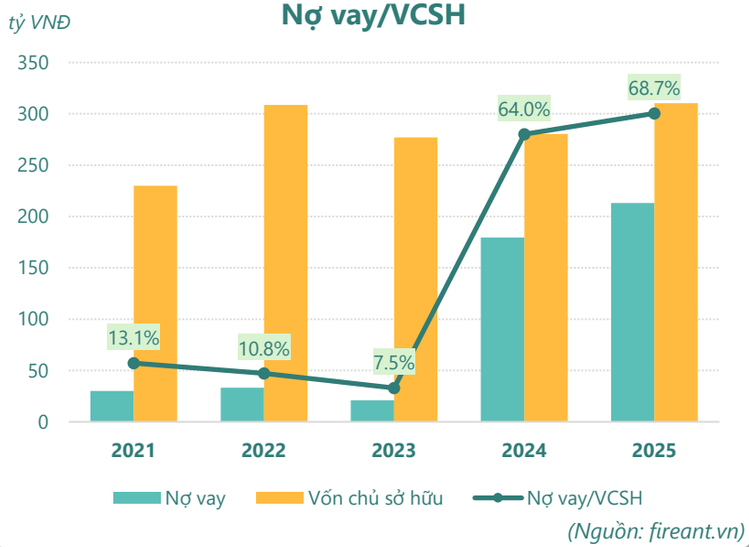
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

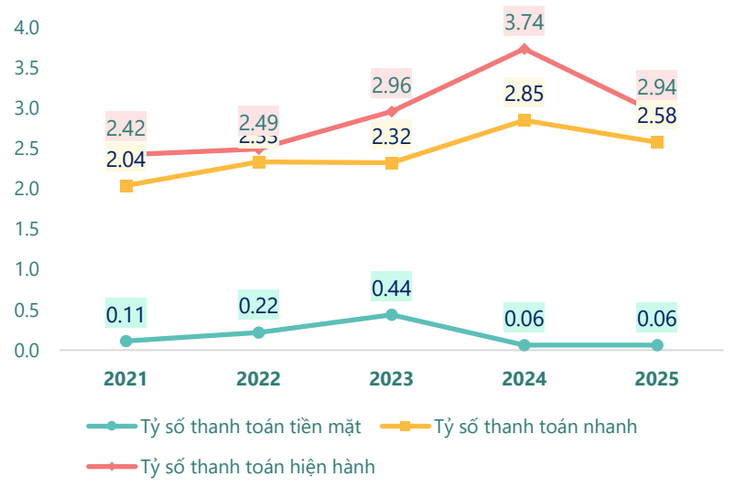
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



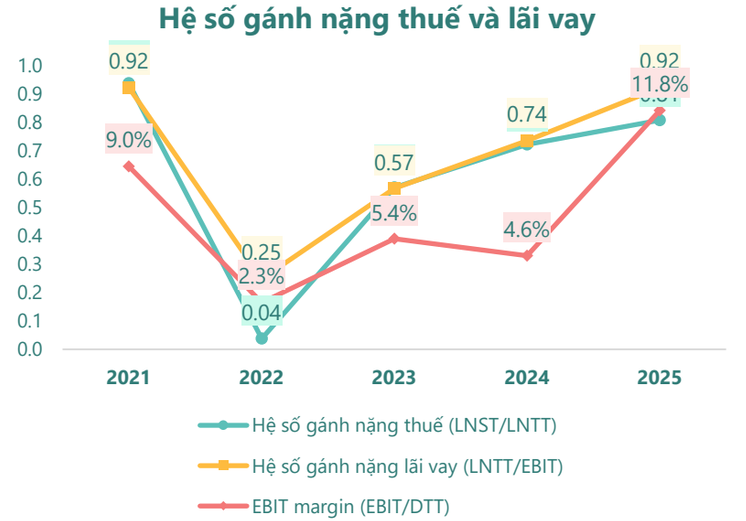
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



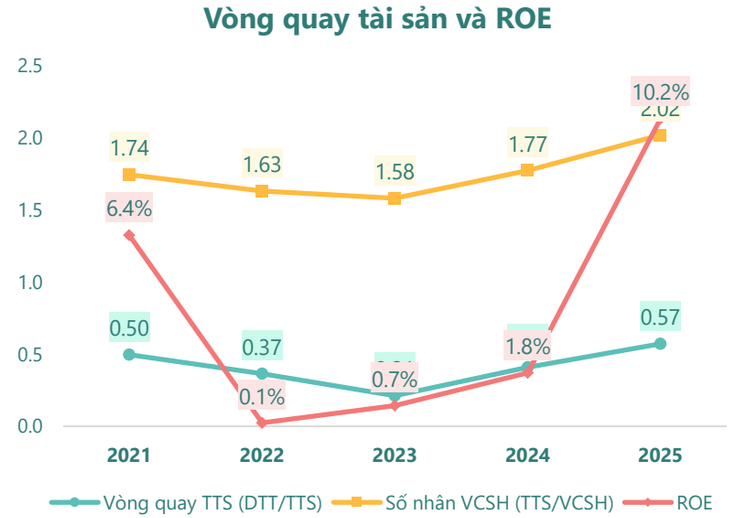
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



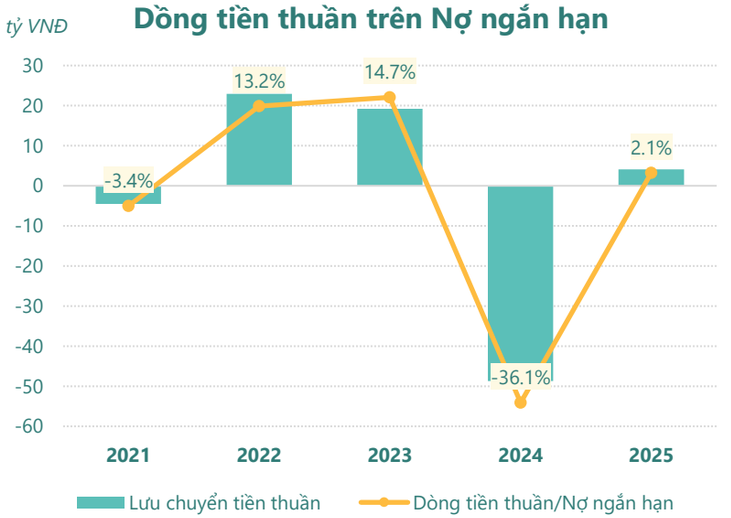
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**137**	**69.2**	**98.2%**	**341**	**202**	**68.6%**
Giá vốn hàng bán	114	65.5	74.8%	302	187	61.8%
Lợi nhuận gộp	22.6	3.78	499%	38.7	15.3	152%
Doanh thu HĐTC	14.3	0.32	4369%	14.8	1.06	1305%
Chi phí TC	9.65	0.70	1278%	11.8	2.47	379%
Chi phí lãi vay	0.97	0.68	42.5%	3.15	2.47	27.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.63**	**3.28**	**41.3%**	**16.5**	**13.4**	**22.9%**
LN thuần từ HĐKD	22.7	0.12	18786%	25.2	0.50	4938%
Lợi nhuận khác	**2.39**	**1.50**	**59.2%**	**11.8**	**6.36**	**85.5%**
LN trước thuế	25.1	1.63	1437%	37.0	6.86	439%
Lợi nhuận sau thuế	**20.8**	**1.33**	**1462%**	**29.9**	**4.95**	**503%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.9**	**1.11**	**1781%**	**30.2**	**4.95**	**511%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.55	-18.8	-10.9	36.9	-19.0	63.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.79	7.23	-0.29	-0.39	1.28	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.86	16.0	3.20	-18.0	4.51	-56.2
Tiền đầu kỳ	8.67	3.77	8.44	0.46	18.3	5.16
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.91**	**4.38**	**-7.98**	**18.4**	**-13.2**	**6.79**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.77	8.14	0.46	18.3	5.16	12.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**632**	**560**	**12.9%**
Tài sản ngắn hạn	563	504	11.5%
Tiền và tương đương tiền	12.0	8.44	41.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.4	13.3	8.4%
Phải thu ngắn hạn	461	349	32.3%
Hàng tồn kho	68.9	120	-42.5%
Tài sản ngắn hạn khác	6.47	14.5	-55.3%
Tài sản dài hạn	**69.5**	**55.7**	**24.8%**
Phải thu dài hạn	59.0	23.4	152%
Tài sản cố định	15.3	20.7	-26.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.34	9.09	-63.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	-8.68	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.35**	**1.59**	**-78.3%**
Lợi thế thương mại	0.31	0.93	-66.7%
Nợ phải trả	322	280	15.1%
Nợ ngắn hạn	**191**	**135**	**41.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	94.6	43.5	118%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.7	41.4	-28.3%
Nợ dài hạn	130	145	-9.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	118	136	-12.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**310**	**280**	**10.7%**
Vốn chủ sở hữu	**310**	**280**	**10.7%**
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)